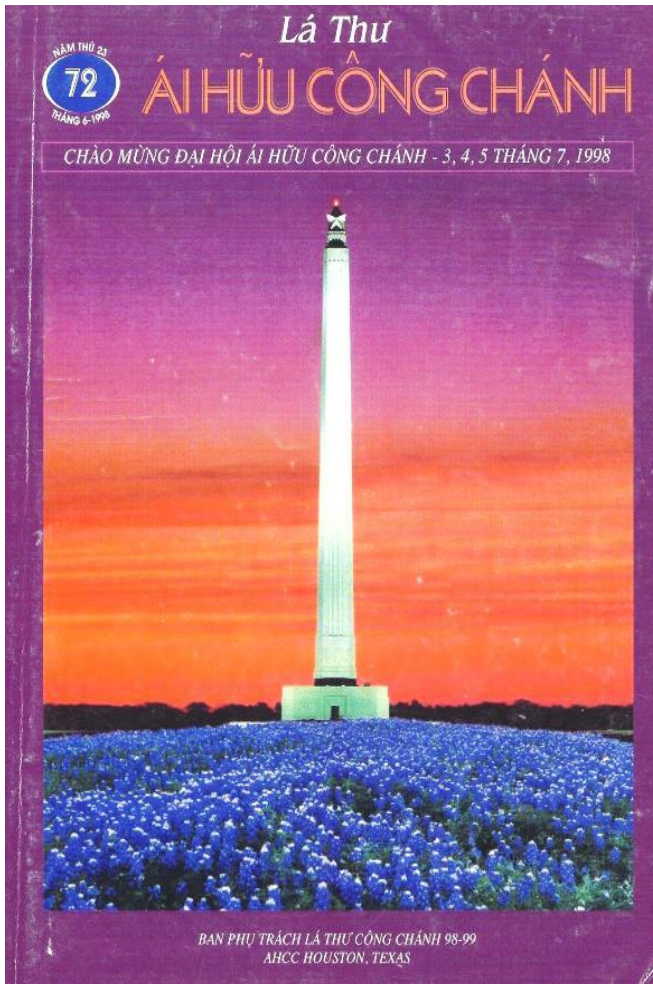


Đọc Lại Lá Thư Cũ Số 72 và 73

AH Trần Trung Trực



Hình bìa Lá Thư số 72 với hoa Bluebonnet

1- Báo Cáo Tài Chánh LT số 72 của BPT.

BPT xin thưa quý AH/TH là trong hơn 20 năm qua, tiền in LT không tăng mà còn giảm đi, hiện nay LT thư in hết khoảng \$1,800 trong khi năm 1998 LT số 71 in hết \$3,000, giảm khoảng hơn 40%. Đó là in ở California, LT số 72 in ở Texas năm 1999 giá là \$4,123.58 (xin xem Báo Cáo Tài Chánh của LT số 73), giảm hơn một nửa, khoảng 59%. Hiện nay LT in rất đẹp, cả về màu sắc và trình bày. Đây là một thành quả tốt đẹp của tiểu ban Ất Loát của BPT LT. Năm nay, LT đã 47 tuổi, BPT mong rằng LT sẽ qua 50 tuổi và sẽ Trường Tồn... Xin quý vị xem hình sau đây sẽ rõ:

TỔNG KẾT CHI THU

BÁO CÁO CỦA BPT MIỀN NAM CALIFORNIA SAU KHI PHÁT HÀNH LÁ THƯ AHCC SỐ 71

TIỀN YẾM TRỢ LT

Phần thu:	
- tiền tồn quỹ đến ngày 14-01-98	\$6,811.96 + \$30.00 (CAN)
- tiền yếm trợ nhận sau 14-01-98	\$1,362.48 + \$20.00 (CAN)
Tổng cộng thu:	\$8,174.44 + \$50.00 (CAN)
Đổi thành:	\$8,197.86

Phần chi:	
- In Lá Thư số 71 ...	\$3,000.00
- In Danh Sách AH/TH	\$320.00
- Bưu phí gửi LT và Danh Sách và mua label, phong bì, ...	\$1,574.77
Tổng cộng chi:	\$4,894.77

2- Bài Các Trường Công Chánh Đầu Tiên ở Việt Nam của cố AH Chu Văn Mậu.

Lời Tựa của DuVan Mỹ Linh: Nhân dịp tờ Lá Thư Công Chánh số 71 xuất bản, tôi được dịp đọc bài viết của cụ Hoàng Đại Lượng có nhắc đến cụ Chu Văn Mậu. Cụ Mậu là thân sinh của bác Chu Thế Luyến. Tôi rất may được làm việc với bác Luyến trong công tác xã hội của Hội Phụ Huynh VN có con em khuyết tật (VPD CA) trong mấy năm qua. Sau khi bác được xem qua tờ Lá Thư Công Chánh do tôi đưa, bác đã cho tôi một tài liệu lịch sử Trường Công Chánh, mà nhiều người muốn được biết. Tài liệu này trích trong gia phả họ Chu do cụ Chu Văn Mậu viết. Tôi xin chuyển tại liệu này đến BPT để phổ biến. Tuy tài liệu này ngắn, nhưng đủ để cho biết Trường Công Chánh khởi sự ra sao.

“Ngày xưa, cả ba miền Trung, Nam, Bắc Việt Nam không nơi nào có Đại Học, chỉ riêng Hà Nội có ba trường cao nhất:

1. “Trường Hậu Bô”, khóa học là hai năm dành cho các thí sinh có bằng Thành Chung.

Tất cả các sinh viên theo học đều được học bổng mỗi tháng 10 đồng. Mãn khóa, tốt nghiệp ra trường, được bổ Tri Huyện tập sự.

2. “Trường Thuốc” (École de Medecine). Khóa học 4 năm, cũng dành cho thí sinh có bằng Thành Chung. Học sinh thuở đó chưa ai có bằng Tú Tài. Nếu muốn thi Tú Tài phải là học sinh trường Trung Học Pháp. Ngày ấy, cả Việt Nam có hai trường Trung Học Pháp: trường Albert Sarraut ở Hà Nội, và trường Chasseloup Laubat ở Sài Gòn. Hai trường này dành riêng cho học sinh Pháp, học sinh Việt có quốc tịch Pháp, hoặc cho con cháu nhà giàu, như con các chủ đồn điền, con các ông Hội Đồng của các cơ quan chính phủ, con các quan tỉnh (Tổng Đốc, Tuần Phủ, An Sát). Tuy nhiên, học sinh ở trường Trung Học Pháp tại Việt Nam rất ít, vì phần đông con các người kể trên đều xuất ngoại để đi du học, nhất là sang Pháp.

Mãi sau này, vào khoảng năm 1917 hay 1918, chính phủ Pháp mới mở trường Trung Học riêng cho người Việt Nam. Có bằng Thành Chung rồi học sinh mới được vào trường Trung Học Việt Nam. Học thêm hai năm mới được ra thi Tú Tài. Trúng tuyển, chính quyền sẽ cấp cho một bằng được gọi là “Baccalauréat Local”.

3. “Trường Cao Đẳng Công Chánh Hà Nội”. Khóa học là hai năm. Trường này là do sáng kiến của kỹ sư Công Chánh Ségas, mở ra riêng cho Sở Công Chánh để luyện “Tham Biện Công Chánh”, cũng gọi là “Cán Sự Công Chánh” (Agent Technique des Travaux Publics). Thời kỳ đầu, ông Ségas có mấy nhân viên Công Chánh, chọn trong mấy thư ký và hội họa, ai có học lực khá, được theo học trường này. Năm thứ nhất, sinh viên được chức thư ký Công Chánh Hạng Nhì, lương tháng 30 đồng. Năm thứ Hai, nếu được lên lớp, thì thăng bậc Thư Ký Hạng Nhất, lương tháng 30 đồng(?). Mãn khóa, thi đỗ, được bổ chức

Agent Technique Stagiaire du Second Degré (Cán Sự Công Chánh Tập Sự Hạng Hai), lương tháng 45 đồng. Sau mấy năm tập sự, thì có kỳ thi chuyên môn lên Cán Sự Công Chánh Tập Sự Hạng Nhất (Agent Technique Stagiaire du 1er Degré), lương tháng 66, 67 đồng (800 đồng một năm) lúc ban đầu.

Năm 1915, ông Paul Bergue thay thế ông Ségas trong chức vụ Giám Đốc trường Công Chánh.

Năm 1926, ông Bergue về hưu trí, ông Girard lên giữ chức quyền Giám Đốc mấy tháng, sau đó ông Connan lên thay làm Giám Đốc thực thụ.

Năm 1928, trường Công Chánh mở thêm “Cours Supérieur des Travaux Publics”, khi ấy gọi là “École des Sciences Appliquées”. Khóa học là một năm. Tốt nghiệp ra được bằng “Agent Voyer des Travaux Publics”.

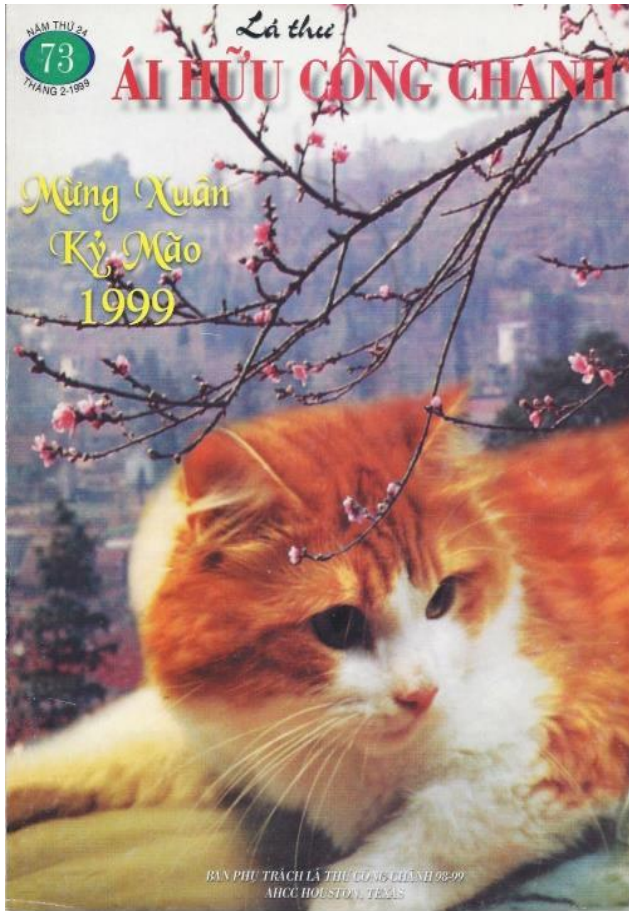
Vào thời kỳ đó, thí sinh có bằng Thành Chung rất ít, chỉ quảng 60, 70 người. Họ tản mát đi làm giáo viên, thư ký các công sở rất đông. Còn lại, số ít theo học thêm thì có người vô trường Hậu Bô, người thì vào trường Thuốc, người thì vào trường Cao Đẳng Công Chánh. Riêng trường này, kể cả người có bằng Thành Chung 3 miền, chưa được 10 sinh viên, trong khi nhu cầu thì nhiều. Vì vậy, trường Công Chánh mở khóa thi tuyển thêm sinh viên tự do cho các thí sinh không có bằng Thành Chung.

Thời đó, các trường ty Công Chánh các tỉnh đều là người Pháp. Mãi đến năm 1922, mới có hai người Việt Nam đầu tiên (cụ Chu Văn Mậu và cụ Trần Văn Phụng, đồng khóa trường Cao Đẳng Công Chánh) được bổ trường ty Công Chánh Phúc Yên (cụ Mậu) và Thái Bình (cụ Phụng)."

Thành thực cảm ơn cố AH Mậu về bài viết ngắn nhưng chi tiết và chính xác (như viết tên ông Paul Bergue thay vì Paul Bérqui như cố AH Lượng viết). Những chữ kèm theo dấu (?), là thắc mắc của chúng tôi, vì nhận thấy hạng nhất và hạng nhì cùng một số lương (30 đồng).

BPT cũng cảm ơn AH DoVu Mỹ Linh rất nhiều đã cung cấp bài này cho Lá Thư. Xin AH tiếp tục tham gia viết bài cho Lá Thư thường xuyên.

“Lời Tựa: Nhờ AH Nguyễn Hữu Định báo tin trên LT số 72, tôi mới biết một người bạn, anh Lê Công Minh còn mắc vòng lao lý, tính đến nay gần 15 rồi. Lòng thấy ngậm ngùi thương cảm người bạn có lý tưởng, tài hoa, vui tính, lại có khí phách và tấm lòng hào hiệp.



3- Bài Vài Kỷ Niệm Với Ái Hữu Lê Công Minh của Cố AH Nguyễn Khoa.

Năm 1966, tôi giải ngũ trở về sở cũ, Tổng Nha Điện Địa. Về Saigon nhìn lại bạn bè đã tứ tán. Ai nấy đều lãnh chức vụ, người về miền Tây, kẻ lên cao nguyên. Quanh quần chưa biết làm gì, có phần thư thả, nghĩ mình có điều kiện và thì giờ, thôi thì đi tìm lại chút hoa mộng của “khung trời đại học”, và lại lúc ấy đang có “người tình Văn Khoa”, nên tôi ghi danh Đại Học Văn Khoa Saigon, để học tiếp chúng chỉ bỏ dở những năm trong lính.

Năm 1967, Lê Công Minh vừa tốt nghiệp kỹ sư Địa Chánh vào TNĐĐ nhận việc và cũng có thời giờ rảnh rỗi lúc ban đầu. Vào sở gặp nhau chuyện trò, Minh biết tôi đang học lớp chứng chỉ văn chương Pháp, thích nói chuyện “văn nghệ văn gừng” nên hợp ý, hợp gout, Minh thường hàn huyên với tôi. Chúng tôi ưa thích nhau từ đó. Tôi mến Minh vì tính tình giản dị, không cao ngạo, lại vui tính hay pha trò, ý nhị trong câu chuyện. Tôi biết lúc đó Minh vẫn còn sinh hoạt với Tổng Hội Sinh Viên Saigon.

Một hôm trong sở, Minh đến hẹn với tôi sáng ngày mai gặp nhau tại công trường Dân Chủ, trước trụ sở Quốc Hội mà tôi biết sẽ có cuộc biểu tình của sinh viên chống bầu cử gian lận. Sáng hôm sau, tôi vào sở một chút, rồi lại trở ra dọc theo đường Tự Do đến nơi hẹn. Vào khoảng 9g30 sáng, đã thấy lối nhỏ một đám đông sinh viên tụ tập trước tiền đình tòa nhà Quốc Hội. Một số cảnh sát viên mặc sắc phục trắng đứng rải rác gần đó. Tôi đánh một vòng tìm và gặp Minh đang đứng xó rợ gần tấm bảng lớn ghi kết quả bầu cử dựng ở phía bên này đường Tự Do, đối diện Quốc Hội. Dưới chân Minh là một bao giấy dầu mà sau đó tôi mới biết là đựng mấy lon sơn đen. Khi sinh viên bắt đầu trưng biểu tình lên, hô to các khẩu hiệu chống bầu cử gian lận, thì Minh vội cạy mở mấy lon sơn, tôi lấy một lon, Minh lấy một lon, và hai đứa hè nhau tạt sơn lên bảng. Những đám sơn đen tung tóe, những vệt sơn chảy dài trên bảng. Tôi quay lại thấy Minh đang hí hục cố giật mạnh tấm bảng cho ngã xuống, nhưng tấm bảng vừa to, vừa nặng, lại được chằng bốn góc bằng dây kẽm rắn chắc, nên dù cố đẩy, lắc mạnh cũng chỉ làm tấm bảng rung rinh mà thôi. Cùng lúc ấy, tiếng còi tu húyt ré vang lên, cảnh sát chạy lại. Đến lúc đó, tôi đã vọt về hướng Tòa Đô Chánh, quẹo qua đường Lê Thánh Tôn, nhanh chân trở về sở. Hôm sau gặp lại, hai đứa nhìn nhau cười.

Thời gian Minh làm trưởng ty Điện Địa Bình Định, mỗi khi về trung ương, Minh hay đến chơi, nói chuyện khào với tôi trong giây lát. Có lần Minh trao cho tôi tập thơ quay renéo, những bài thơ do Minh sáng tác. Đọc thơ Lê Công Minh, tôi và mấy bạn đều nhận xét có nhiều bài thơ trữ tình thật đặc sắc.

Nhắc đến Lê Công Minh tài hoa, tôi lại nhớ đến một AH khác bên Điền Địa thuộc khóa trước cũng rất mực tài hoa. Đó là AH Trần Như Tập, còn có bút hiệu là Hoa Tường Dung. AH Tập là kiện tướng làm thơ chuyển ngữ, dịch thơ Pháp sang thơ Việt, chẳng những thơ dịch ra tiếng Việt chứa đầy đủ ý thơ mà từng chữ từng vần được chọn lựa trau chuốt thật tài tình. Tôi ái mộ AH Tập vì anh có đủ tài năng và thi hứng chuyển dịch mọi thể thơ của các thi sĩ Pháp thuộc các trường phái khác nhau một cách thoải mái và điêu luyện. Một nhà thơ tôi quên tên có nhận xét: “Dịch thơ Pháp sang thơ Việt cỡ như Trần Văn Tập thì ít có người bì kịp”.

Năm 1968, do biến cố Mậu Thân, tôi bị tái ngũ, nhưng sau mấy tháng khoác áo trận, tôi và một số chuyên viên được biệt phái trở lại sở cũ. Thời gian này nhân viên bên Điền Địa rất bận rộn vì chương trình “Người Cày Có Ruộng”.

Từ năm 1971, hầu hết các cấp chỉ huy ngành Điền Địa đều thay nhau đi tham dự khóa hội thảo và tu nghiệp về Cải Cách Điền Địa (CCĐĐ) tại Đài Loan. Đầu năm 1972, tới phiên tôi và một số anh chị em khác. Lê Công Minh từ Bình Định bay về Saigon cầm đầu phái đoàn. Bạn bè thân thích gặp nhau lại trong chuyến đi dài hàng tháng này vui mừng rộn rã như lân thẩu pháo. Tôi tôi, tôi với Minh rủ nhau ra Đài Bắc lang thang phố này sang phố khác, mỗi cả gói, có hôm về khuya lạc hướng về Đào Viên (Taoyen), thị trấn nhỏ cách Đài Bắc 30 cây số, là nơi trung tâm CCĐĐ của Đài Loan tọa lạc, nơi tổ chức khóa hội thảo và tu nghiệp, và cũng là nơi trú ngụ rất tiện nghi cho các phái đoàn canh nông, điền địa, trắc lượng thuộc các quốc gia Đông Nam Á. Đoàn viên Việt Nam gồm có AH Lê Công Minh trưởng đoàn, AH Trần Văn Tánh, AH Lê Thị Nghiệp, AH Trần Văn Huệ, AH Nguyễn Tài Đạo và tôi. Chỉ có AH Nghiệp là nữ giới duy nhất trong khóa hội thảo. Chị thường xuống hàng ghế cuối ngồi chung với anh em Việt Nam.

Vào cuối một buổi thuyết trình, trời đã về chiều, ai nấy đều muốn về nghỉ còn để ra phố. Một giảng viên người Nigeria tươi cười chỉ tay về phía chị Nghiệp hỏi chị có ý kiến hay câu hỏi gì không.

Chị im lặng. Lê Công Minh ngồi ở hàng ghế đầu, dí dỏm nhắc khéo: “I have no question”. Chị Nghiệp nhanh nhẹn tiếp theo: “I have no question”. Cả lớp đồng tình. Mọi người vui vẻ rộn rịp rời phòng họp.

Rồi những tuần kế tiếp nào đi thăm các nông trại, các công trình kiến trúc đặc thù Trung Hoa, các thắng cảnh ở Đài Trung, Đài Nam, Cao Hùng.

Trong sinh hoạt tập thể, Lê Công Minh luôn luôn bình dị, vui tính, thân thiện, được lòng anh em, tỏ rõ phong cách của một team leader, tạo nhiều cảm tình với các phái đoàn bạn.

Tình cờ, tôi lại biết thêm được một diễn tiến tình huống của AH Lê Công Minh. Một người bạn gần nhà mượn LT AHCC số 72 về xem, qua mục nhấn tin của AH Nguyễn Hữu Định, sự nhớ có đọc trong một tờ báo Việt ngữ phát hành tại Dallas cách đây không lâu một bài viết liệt kê những nhà trí thức Saigon cho đến nay vẫn còn bị giam cầm, trong số người ấy anh nhớ có nói đến một kỹ sư Trưởng Ty Công Chánh. Anh may mắn còn giữ tờ báo và mang lại cho tôi xem. Thì ra, đây là một bài ký sự khá dài của nhà văn Hoàng Hải Thủy kể lại những ngày ông còn bị giam giữ tại Khám Chí Hòa, kỳ ông bị bắt lần thứ hai vì bị khép tội làm “biệt kích văn nghệ”. Vào khám, ông có gặp một số trí thức bị giam giữ từ trước, trong đó có Lê Công Minh, cựu Trưởng Ty Công Chánh Bình Định (đúng ra là Trưởng Ty Địa Chánh Bình Định). Hoàng Hải Thủy kể tiếp như sau:

Vào khoảng năm 1984, AH Lê Công Minh thuộc nhóm lãnh đạo một tổ chức chống chế độ. Khi tổ chức bị phát giác, Minh và các người tham dự bị bắt. Anh luật sư trưởng nhóm bị kết án tử hình. Minh cũng có tên trong danh sách tử tội. Trước ngày Minh bị hành quyết, vợ con Minh vẫn khăn tang vào khám đường lay vĩnh biệt chồng, cha. Minh bình tĩnh khuyên vợ ở lại ráng nuôi con ăn học. Sau đó, vì lý do gì không rõ, án tử hình của Minh đổi lại thành án tù chung thân. Trong tù, Minh vẫn khí khái làm thơ châm biếm độc đáo.

Sau đó, theo AH Nguyễn Hữu Định thì người nhà của Minh cho biết Minh bị giam ở Long

Khánh. Tôi đoán, vì thời gian bị tù khá lâu Minh được “biến chế” và di chuyển lên khu cải tạo ở Long Khánh, nơi mà một số AH đã từng trải qua từ năm 1975, trong đó tôi đã gặp AH Nguyễn Văn Găng (đã mất tại Saigon), AH Huỳnh Văn Huân (đã mất ở Cali), AH Nguyễn Danh Vang, bào đệ AH Găng, AH Đào Văn Phước, AH Nguyễn Hữu Thâu. Lần đó, tôi hết sức vui mừng bất chợt gặp AH Thâu trong rừng cao su Long Khánh khi đi chặt củi. Khu trại này trước đây gồm doanh trại bộ chỉ huy sư đoàn 18 BB và ba bốn doanh trại hậu cứ của các tiểu đoàn yếm trợ nay biến thành trại tù lao động, chung quanh vẫn còn hàng rào kẽm gai kiên cố. Từ lúc đi cải tạo về cho đến năm 1981 là năm tôi vượt biên với một số anh em Công Binh, tôi không còn gặp Lê Công Minh nữa. Vừa rồi tôi có liên lạc hỏi thăm về Lê Công Minh thì được một vài AH cho biết suốt thời gian sau năm 1975 cho đến ngày Minh bị bắt, Minh có lập một tổ trức địa, lãnh đạo các công trình xây cất. Anh em đi cải tạo về, phần lớn dân Điền Địa, khi chưa có công việc gì đều tìm đến AH Minh. Có người còn nhờ anh cấp giấy chứng nhận là nhân viên trức địa của tổ hợp để dần tui. Minh luôn sẵn sàng giúp đỡ anh em. Từ ba bốn năm nay, nhiều anh đã ra khỏi nước qua diện HO hay ODP nhưng dường như vì bận rộn sinh kế nên không thấy ai nhắc nhở đến người bạn hào hiệp, tốt bụng còn mắc vòng tù tội nơi quê nhà. Mãi cho đến hôm nay, mới có một người bạn học cùng khóa, AH Nguyễn Hữu Định biết được vài tin tức của Lê Công Minh, trặc ẩn về hoàn cảnh của một người bạn, mới lên tiếng kêu gọi anh em. Quý hóa thay tâm tình bằng hữu của AH Định.

Lê Công Minh! Anh ở lại vì lý tưởng, như vậy nếu anh có rủi ro mạng sống nhưng là một đóng góp hết sức lớn lao cho tiến trình của dân tộc. Anh em bè bạn không quên anh.

Garland, Texas
Tháng Tám 1998”

Cám ơn cố AH Nguyễn Khoa về bài viết chân tình và cảm động đối với AH Minh, người bạn đồng khóa của chúng tôi. Theo như ý nguyện của AH Minh mà chúng tôi biết, không muốn rời xa Quê Hương, dù có thể sang Mỹ vì vợ con đã ở Mỹ lâu rồi, muốn chia sẻ

nỗi đau của một người dân sống trong một chế độ không Tự Do, Dân Chủ, bị kìm kẹp và có thể mai này bị giặc Hán đô hộ.

4- Bài Đại Hội Francofête 99 Tại Louisiana của AH Lê Thành Trinh.

“Năm 1699, thuộc địa Louisiana được chính thức thành lập và qua năm 1999 sắp tới thì chính quyền và nhân dân tiểu bang Louisiana sẽ tổ chức Đại Hội FRANCOFÊTE 99 trong suốt năm 1999 để kỷ niệm 300 năm thành lập thuộc địa. Mục đích của Đại Hội là đề cao di sản văn hóa Pháp và đồng thời cầu khách du lịch bốn phương đến đây để tăng thêm lợi tức cho vùng đất nghèo nàn này. Bà Phó Thống Đốc tiểu bang phụ trách ngành du lịch mới đây đã hướng dẫn một phái đoàn khá hùng hậu qua Pháp để quảng cáo cho Đại Hội.

Khoảng một triệu người dân Louisiana (1/4 dân số) là người Mỹ gốc Pháp. Họ được gọi là CAJUN hay là ACADIAN. Cajun là phiên âm được đọc nhanh theo giọng Mỹ của Pháp từ Acadian. Tổ tiên những người Cajun là những người Âu Châu đầu tiên đến định cư ở Bắc Mỹ. Năm 1604, một toán 125 người Pháp đã đến phía bờ biển phía Đông của Canada tại một khu vực bao gồm Nova Scotia, New Brunswick, đảo Prince Edward, và miền Bắc của tiểu bang Maine ngày nay. Khu vực này được gọi là Acadia và địa điểm định cư đầu tiên là Port Royal. Chỉ năm đầu tiên, 36 dân định cư đã chết vì bệnh scurvy, do thiếu vitamin C, và đến năm 1607 những người còn lại đã bỏ về Pháp. Đến năm 1610, một toán 25 người Pháp khác đã trở lại Port Royal và đóng chốt vĩnh viễn ở đó để trở thành những cư dân đầu tiên ở Acadia. Những người Acadian đầu tiên này đã sống chung hòa bình với các thổ dân da đỏ và đã phát triển đều đặn cho tới ngày họ bị thảm họa xâm lược của Đế Quốc Anh.

Vào đầu thập niên 1680, một nhà thám hiểm Pháp là ông De la Salle đã từ Acadia qua Ngũ Đại Hồ xuống thám hiểm miền lưu vực sông Mississippi để tìm đường ra vịnh Mexico. Ngày 9 tháng 4 năm 1682, ông tuyên bố cả vùng đất rộng lớn từ sông Mississippi đến dãy núi Rocky là đất của Pháp và ông đặt tên lãnh thổ mới này là Louisiana, để vinh danh ông vua mặt trời Louis

XIV. Năm 1699, lãnh thổ Louisiana chính thức trở thành thuộc địa của Pháp. Địa điểm định cư đầu tiên là Ocean Springs thuộc tiểu bang Mississippi ngày nay, và Ocean Springs là thủ phủ của thuộc địa Louisiana cho tới năm 1702.

Những người di dân Pháp ở Acadia và những thổ dân da đỏ địa phương luôn luôn tôn trọng ranh giới săn bắn của nhau nên đã không có sự tranh chấp giữa người da trắng và da đỏ như đã xảy ra sau này. Cộng đồng người Pháp ở đây được phát triển điều hòa, và vào đầu thế kỷ 18 thì dân số Acadian đã lên đến 18 ngàn người. Năm 1710, cuộc tranh giành đất đai giữa người Pháp và người Anh bùng nổ, và Anh đã xua quân chiếm Acadia. Người Anh đã ép dân Acadian tỏ lòng phục tùng họ bằng cách ép dân Acadian phải tuyên thệ phục tùng vua nước Anh. Vì dân Acadian cứng đầu nhất quyết không tuân lệnh này nên đến năm 1755, viên Toàn Quyền Anh đã áp dụng phương pháp dã man trục xuất họ ra khỏi lãnh thổ này. Họ bị cưỡng ép lên các tàu chở hàng để đến các thuộc địa khác của Anh. Nhà cửa và tài sản của họ bị đập phá để họ không còn hy vọng trở lại Acadia nữa. Tuy bị phân phối đi nhiều nơi khác nhau, nhưng khoảng phân nửa số người Acadian đã tập hợp lại để về sống tại thuộc địa Louisiana. Những người này đã định cư trong khu vực giữa Baton Rouge và New Orleans bây giờ.

Do cuộc mua bán Louisiana giữa Hoàng Đế Napoléon của Pháp và Tổng Thống Jefferson của Mỹ, Louisiana đã trở nên lãnh thổ của Mỹ và những người Cajun đã là thiểu số so với người Mỹ gốc Anh, và phải gánh chịu những kỳ thị chủng tộc của nhóm người này. Người Cajun không được học tiếng Pháp trong các trường. Vì xa mẫu quốc từ đầu thế kỷ 17 mà lại không được chính thức học tiếng Pháp nên tiếng Pháp của người Cajun hiện nay là tiếng Pháp đã biến dạng. Những người biết tiếng Pháp hiện đại không hiểu được tiếng Cajun.

Sau này, vì đời sống chính trị tại Mỹ được cởi mở nên sự kỳ thị người Mỹ gốc Anh và người Cajun đã giảm bớt. Thêm vào đó, có sự tranh đấu không ngừng của nhiều chính trị gia Cajun, nên nền văn hóa Pháp tại Louisiana đã được phục hồi. Năm 1968, quốc hội Louisiana đã thành lập Hội

Đồng Phát Triển Tiếng Pháp, CODOFIL (Council for the Development of French in Louisiana) và từ ngày đó Hội Đồng này đã đạt được nhiều thành tích trong sự nghiệp đề cao và phát triển văn hóa Pháp tại vùng đất này.

Đại hội FRANCOFÊTE 99 được tổ chức trong suốt năm 1999 để kỷ niệm 300 năm thành lập Louisiana chắc chắn sẽ lôi cuốn được nhiều du khách đến Louisiana để tìm hiểu những đặc điểm của tiểu bang miền Nam, cũng như để tham gia ngày hội Mardi Gras, ngày hội đã được công nhận là Màn Trình Diễn Miễn Phí Vĩ Đại Nhất Thế Giới "The Greatest Free Show on Earth".

Hiện nay, từ "sin city" (thành phố tội lỗi) được dùng để chỉ những nơi có thể cung cấp đủ món tứ đồ tương để những khách hào hoa đến thưởng thức thoải mái. Ở Mỹ người ta kể hai thành phố Las Vegas và New Orleans. Tuy cũng là "sin city", nhưng hai thành phố này khác nhau ở chỗ là tại Las Vegas người ta phạm tội theo kiểu Mỹ, còn tại New Orleans người ta phạm tội theo kiểu Pháp.

Quý AH đã biết kiểu Mỹ tại Las Vegas, thì nhân dịp này nên đến New Orleans để xem kiểu Mỹ và kiểu Pháp khác nhau thế nào. Đối với AH đang ở Pháp, xin nói thêm là kiểu Pháp New Orleans hiện nay là kiểu Pháp cổ từ thời Louis XIV, chứ không phải là kiểu Pháp hiện đại. Vì vậy, nhân dịp này quý AH cũng nên đến New Orleans để xem Pháp hồi Louis XIV khác Pháp bây giờ như thế nào".

Cám ơn AH Trinh về bài viết nguồn gốc tiểu bang Louisiana. Chúng tôi về sở trường Mỹ và Pháp chưa hề biết. Đặc biệt, kiểu Pháp thời Louis XIV thì chịu thua, chỉ biết kiểu Việt Nam thôi. Xin Các AH/TH nếu có thời giờ, xin xem lại hai Lá Thư trên, còn rất nhiều bài hay.

